

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 -2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6- 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Năm 2017 là năm tài chính đầu tiên kể từ khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quốc Toán	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Văn Phong	Ủy viên Ban Kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Tổng Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

Số: 371/ 2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ Báo cáo tài chính hợp nhất của
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP
cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, được lập ngày 30/03/2018, từ trang 6 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 1 đến trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là cổ đông sáng lập và sở hữu 2,149% Vốn Điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa có tài liệu để ghi nhận Phần lãi, lỗ trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Công ty CP Đầu tư và Phát triển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP.
- Một số vấn đề liên quan đến công nợ phải thu, phải trả của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung như sau:
 - + Công nợ phải thu: Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần V, đoạn 03 (trang 24-25), công nợ phải thu khách hàng là Công ty Cổ phần Thép Hà Nội với số tiền là 27.264.461.695 đồng; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh số tiền là 3.230.706.858 đồng. Tại thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất số 06 (trang 26), khoản phải thu ngắn hạn khác đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên là 48.134.425.710 đồng. Các khoản công nợ phải thu này bản chất là khoản công nợ phải thu khách hàng và phải thu khác của Xí nghiệp Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Tổng hợp (đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập của Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung) từ trước ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, Xí nghiệp này hiện nay đã ngừng hoạt động, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp đang bị tạm giam để điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu. Do chưa có những kết luận cuối cùng của cơ quan Tòa án, chúng tôi chưa thể có đánh giá đầy đủ và xác định việc xử lý các khoản công nợ phải thu này.
 - + Công nợ phải trả: Cũng Liên quan đến Xí nghiệp Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Tổng hợp đã nói trên, tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần V, đoạn 18 (trang 35-36), các khoản vay mà Xí Nghiệp không có khả năng thanh toán và không có biên bản xác nhận bao gồm: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền là 24.990.000.000 đồng do Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp trực tiếp vay; khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền là 24.262.809.296 đồng do Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung vay hộ xí nghiệp; Khoản vay đối tượng khác gồm: Công đoàn Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 266.725.076 đồng, vay cá nhân bà Trần Thị Thược số tiền là 77.820.037 đồng và Công ty Cổ phần thép Mitsu Vina số tiền là 1.331.179.529 đồng. Do chưa có những kết luận cuối cùng của Tòa án, chúng tôi chưa thể có đánh giá đầy đủ và xác định việc xử lý các khoản công nợ phải trả này.
- Tại thời điểm 31/12/2017, một số khoản trả trước cho người bán của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí có hợp đồng mua bán đã bị hủy nhưng các khoản ứng trước này chưa thu hồi lại được. Các khoản trả trước này đã quá hạn trên 03 năm kể từ ngày có thỏa thuận hủy hợp đồng mua bán đến ngày 31/12/2017. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc lập dự phòng phải thu cho các khoản này;
- Chỉ tiêu “Khấu hao trong kỳ” tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần V, đoạn 08 (trang 28) không bao gồm khấu hao của phân xưởng cán, thiết bị chính và thiết bị phụ trợ tại phân xưởng cán của Công ty CP Cơ khí Duyên Hải với giá trị khấu hao là 1.530.760.482 đồng do các máy móc, thiết bị này không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cơ khí Duyên Hải. Ngoài ra, khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” tại ngày 31/12/2017 bao gồm chi phí khấu hao dây chuyền sản xuất CNC của Công ty CP Dụng cụ số 1 với số tiền là 2.625.763.128 đồng.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật. Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật do Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP sở hữu 100% Vốn, có Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 32.827.756.632 đồng, vốn đầu tư của chủ sở hữu đang được ghi nhận theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 30/09/2014 là 35.893.995.830 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Tại Báo cáo Kiểm toán độc lập số 19/2018/KT-AV2-TC ngày 22 tháng 03 năm 2018 của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán trái ngược. Chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá được đầy đủ mức độ ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

- Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 09 năm 2014 thì “Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán”. Theo tinh thần đó, ngày 08/12/2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom. Tuy nhiên, như đã đề cập tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, năm 2017 là năm tài chính đầu tiên kể từ khi Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, việc quyết toán công tác cổ phần hóa và bàn giao phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần chưa được hoàn thành.
- Chúng tôi cũng lưu ý rằng, ngày 26/03/2018, Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật, theo đó, Tổng Công ty đề xuất với Bộ Công Thương tái cơ cấu, thoái 100% Vốn đầu tư bằng phương thức bán doanh nghiệp có kế thừa công nợ hoặc thực hiện việc phá sản doanh nghiệp (nếu không bán được).



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 0133-2018-137-1
(Ủy quyền số 05/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 10/10/2015 của
Tổng Giám đốc)*

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hương
Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
1417-2018-137-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	20/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.443.082.967.049	1.489.253.473.641
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	89.329.570.883	96.593.524.099
1. Tiền	111		30.435.061.249	47.402.759.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.894.509.634	49.190.764.771
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	252.050.678.913	267.974.867.951
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.468.555.629	1.468.545.629
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250.582.123.284	266.506.322.322
III. Các khoản phải thu	130		666.447.574.988	759.983.103.064
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	553.604.193.998	583.971.957.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.315.472.699	73.964.532.869
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	780.418.838	663.261.783
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	2.800.000.000	2.500.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	103.217.992.334	98.987.436.539
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.03	(51.270.502.881)	(104.086.027)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	317.926.107.171	256.350.390.966
1. Hàng tồn kho	141		317.926.107.171	256.350.390.966
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		117.329.035.094	108.351.587.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	340.338.251	128.595.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.143.782.650	25.207.935.552
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	83.844.914.193	83.015.056.662
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			874.064.875.718	870.967.148.805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.726.582.495	239.136.233
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		15.000.000	
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	2.711.582.495	239.136.233
II. Tài sản cố định	220		669.073.338.898	667.831.600.324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	633.493.524.116	628.612.780.895
- Nguyên giá	222		898.476.942.199	867.113.958.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(264.983.418.083)	(238.501.177.803)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	35.579.814.782	39.218.819.429
- Nguyên giá	228		37.860.113.006	40.695.113.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.280.298.224)	(1.476.293.577)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	7.298.755.379	7.643.248.845
- Nguyên giá	241		9.624.246.073	9.624.246.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.325.490.694)	(1.980.997.228)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	59.448.020.578	56.403.960.012
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	261			68.790.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	262		59.448.020.578	56.335.170.012
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	77.103.296.493	81.379.583.376
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.447.974.180	57.673.141.263
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.350.574.613	23.706.442.113
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(695.252.300)	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		58.414.881.875	57.469.620.015
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	58.414.881.875	56.975.132.781
3. Tài sản dài hạn khác	268			494.487.234
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.317.147.842.767	2.360.220.622.446

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	20/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		905.475.878.269	948.750.182.939
I. Nợ ngắn hạn	310		771.906.854.133	818.926.716.439
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	158.495.761.517	195.536.246.073
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		69.528.061.234	97.011.239.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	34.155.587.661	31.366.907.203
4. Phải trả người lao động	314		168.761.195.312	197.588.726.636
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	53.475.465.741	52.874.811.958
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		61.675.466	61.675.466
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	2.356.874.722	1.880.989.903
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	56.970.495.893	56.085.151.466
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	222.337.126.884	176.155.484.398
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			1.869.999.417
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.764.609.703	8.495.484.631
II. Nợ dài hạn	330		133.569.024.136	129.823.466.500
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		1.794.693.736	
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	129.673.085.401	127.680.100.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	2.101.244.999	2.143.366.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.411.671.964.498	1.411.470.439.507
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.411.671.964.498	1.411.470.439.507
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			233.046.766
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.202.379.963)	(3.116.057.520)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.792.483	1.522.107.908
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(12.447.445.686)	(13.037.825.894)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(13.352.336.481)	(9.391.715.754)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		904.890.795	(3.646.110.140)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		6.037.509.663	7.234.680.246
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.317.147.842.767	2.360.220.622.446

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Hiền



Trần Thị Thu Trang



Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.168.890.404.884	54.126.369.972
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. (10= 01-02)	10		1.168.890.404.884	54.126.369.972
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.105.921.820.469	45.719.878.997
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
5. (20=10 - 11)	20		62.968.584.415	8.406.490.975
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	94.194.429.222	6.447.057.064
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	12.807.133.997	8.499.670.463
- Trong đó: Chi phí lãi vay			10.763.989.199	65.893.675
Phân lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh				
8. Chi phí bán hàng	24		13.315.447	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	4.042.338.100	146.814.297
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26	VI.06	132.932.146.015	8.261.255.114
11. {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		7.394.710.972	(2.054.191.835)
12. Thu nhập khác	31	VI.07	4.288.861.814	654.572.521
13. Chi phí khác	32	VI.08	7.533.055.162	1.340.581.291
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.244.193.348)	(686.008.770)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.150.517.624	(2.740.200.605)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.082.633.858	67.822.065
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.067.883.766	(2.808.022.670)
18. (60=50 - 51 - 52)	61		(52.846.101)	(41.329.809)
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		3.120.729.867	(2.766.692.861)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	70		8	N/A
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Hiền

Trần Thị Thu Trang

Nguyễn Khắc Hải

Ghi chú:

- Ngày bắt đầu kỳ báo cáo được thuyết minh tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Phần II, Đoạn 1, về "Niên độ kế toán" (Trang 13)
- Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017, Tổng Công ty vẫn hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Nhà nước một thành viên; Kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1 Lợi nhuận trước thuế		3.067.883.766	(2.808.022.670)
2 Điều chỉnh cho các khoản		2.599.156.686	(7.710.990.351)
- Khấu hao TSCĐ	02	32.870.472.080	1.927.660.783
- Các khoản dự phòng	03	51.166.416.854	(9.187.479.658)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	205.561.411	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(92.407.282.858)	(517.065.151)
- Chi phí lãi vay	06	10.763.989.199	65.893.675
- Các khoản điều chỉnh khác		-	270.249.298
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay		-	270.249.298
3 đổi vốn lưu động	08	5.667.040.452	(10.519.013.021)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	31.415.960.331	39.695.751.692
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(61.575.716.205)	925.621.083
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(101.323.400.277)	(39.391.870.947)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.651.491.998)	(2.810.307.571)
- Thuế thu nhập đã nộp	14	(10.360.589.944)	(113.712.245)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(2.292.471.520)	(67.363.842)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.156.113.724	2.894.853.044
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(11.798.295.685)	(2.865.887.070)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(147.762.851.122)	(12.251.928.877)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(35.599.140.858)	(9.875.239.451)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		356.660.000	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22	(131.263.504.656)	(25.083.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	162.841.305.555	13.523.945.007
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.173.500.430	(1.462.619.500)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.664.970.000	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	92.604.786.678	98.461.226
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	99.778.577.149	(22.798.452.718)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	572.785.439.794	27.709.283.959
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(532.070.753.669)	(32.680.837.085)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	40.714.686.125	(4.971.553.126)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến 20/01/2017
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(7.269.587.848)	(40.021.934.721)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	96.593.524.099	136.615.458.820
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	5.634.632	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	89.329.570.883	96.593.524.099

Người lập

Nguyễn Hữu Hiền

TB. Tài chính kế toán

Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

Ghi chú:

- Ngày bắt đầu kỳ báo cáo được thuyết minh tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Phần II, Đoạn 1, về "Niên độ kế toán" (Trang 13)
- Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017, Tổng Công ty vẫn hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Nhà nước một thành viên; Kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng).

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	1.413.846.800.000	99,5726%
- Cán bộ công nhân viên công ty	537.820	5.378.200.000	0,3788%
- Nhà đầu tư khác	69.000	690.000.000	0,0486%
+ Cổ đông là cá nhân	49.000	490.000.000	0,0345%
+ Cổ đông là tổ chức	20.000	200.000.000	0,0141%
Cộng	141.991.500	1.419.915.000.000	100%

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng); Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập; Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Văn Phòng Tổng Công ty	- Thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Sản xuất luyện kim, sửa chữa máy móc, thiết bị - Sản xuất các cấu kiện kim loại	100%	100%
II. Đơn vị phụ thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp Công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác... - Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyên giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp		100%	100%
III. Công ty con			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, - Kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
IV. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty liên kết của Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%
2. Công ty liên doanh của Công ty TNHH Cơ khí Hà Nội			
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia		2,149%	2,149%
- Công ty CP Công đoàn Giấy			Không có thông tin

Thoái vốn tại Công ty CP Cơ khí Cửu Long: Trước ngày 20/12/2017, Tổng Công ty sở hữu 78,89% Vốn tương ứng với 78,89% tỷ lệ biểu quyết của Công ty CP Cơ khí Cửu Long. Ngày 17/08/2017, Bộ Công thương có Công văn số 7548/BCT-CNNg đồng ý với đề nghị của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP về việc thoái hết phần vốn Nhà nước tại Công ty CP Cơ khí Cửu Long. Ngày 20/12/2017, Tổng Công ty chính thức thoái 100% Vốn tại Công ty CP Cơ khí Cửu Long.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thực hiện quá trình chuyển đổi sang Công ty cổ phần và xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/09/2014. Đến ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần và chuyển đổi hình thức hoạt động sang Công ty cổ phần. Theo Điều 21, Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 10, thông tư 127/2014/TT-BTC qui định **tại thời điểm** doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu thì doanh nghiệp cổ phần hóa phải lập Báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này được hiểu là bắt đầu từ cuối ngày 20/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam (ký hiệu “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho giai đoạn từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Như đã đề cập tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, phần I, đoạn 4 về “Cấu trúc doanh nghiệp”, ngày 20/12/2017, Tổng Công ty chính thức thoái 100% Vốn tại Công ty CP Cơ khí Cửu Long. Do thời điểm thoái vốn gần với ngày kết thúc năm tài chính (31/12/2017) nên Tổng Công ty sử dụng Báo cáo tài chính từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 của Công ty CP Cơ khí Cửu Long để hợp nhất Báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trừ khi khoản đầu tư dự kiến được thanh lý trong tương lai gần và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần sở hữu các khoản tăng, giảm của các quỹ dự trữ công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong quỹ dự trữ. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc xác định tiền: Là toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp”.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

5. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến
31/12/2017
(số năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	30 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ
- Lợi thế thương mại
- Những khoản chi phí khác

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay” và Điều 54 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 31/12/2017 đang được Tổng Công ty tạm thời phân phối.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng (hoặc CCDV). Ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán (trong việc tính giá vốn hàng bán).

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương

tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó, Tổng Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 31/12/2017.

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất nói chung.

15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

16. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

S.C
K
CF
PHC

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN. (Đơn vị tính: VND)**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	20/01/2017
Tiền mặt	2.873.573.486	7.416.458.594
Tiền gửi ngân hàng	27.561.487.763	39.986.300.734
Các khoản tương đương tiền (dưới 3 tháng)	58.894.509.634	49.190.764.771
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	89.329.570.883	96.593.524.099

02. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	20/01/2017			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Chứng khoán kinh doanh thuộc về Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	1.468.555.629	(*)	-	1.468.545.629
Tổng cộng	1.468.555.629			1.468.545.629

Chứng khoán kinh doanh thuộc về Công ty

TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí

Tổng cộng

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Tiền gửi kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	250.582.123.284	250.582.123.284	266.506.322.322	266.506.322.322
Tiền gửi kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)	250.582.123.284	250.582.123.284	266.506.322.322	266.506.322.322
Tổng cộng	250.582.123.284	250.582.123.284	266.506.322.322	266.506.322.322

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
 Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vinh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN/HN
 Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

02. Các khoản đầu tư tài chính

c) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội (1)	1.786.267.505	(*)		1.772.952.058
Liên doanh tòa nhà IBC Trảng Thi	61.706.675	(*)		126.688.775
Công ty CP Công Đoàn giấy	100.000.000	(*)		100.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia (2)	52.500.000.000	(*)		55.673.500.430
Tổng cộng	54.447.974.180	-	-	57.673.141.263

(1): Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng. Tại ngày 31/12/2012, khoản đầu tư được ghi nhận là 1.786.267.505 đồng.

(2): Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia có Vốn Điều lệ là 2.443.000.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là một trong số các cổ đông sang lập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia với tỷ lệ sở hữu là 2,149%.

018
 TY
 TH
 CÁI
 INA

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P. Vĩnh Tuy – Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN/HN
Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

f) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam (1)	638.090.107	(*)		658.090.107 (*)
Công ty CP Đá Mai Hải Dương (2)	3.381.542.806	(*)		3.717.410.306 (*)
Công ty CP cơ khí Chế tạo Hải Phòng (3)	1.432.012.200	736.759.900	695.252.300	1.432.012.200 (*)
Công ty CP Xi măng Đồng Bành (4)	14.383.360.000	(*)		14.383.360.000 (*)
+ <i>Vốn đầu tư của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (4a)</i>	1.478.360.000	(*)		1.478.360.000 (*)
+ <i>Vốn góp của các cổ đông khác (4b)</i>	12.905.000.000	(*)		12.905.000.000 (*)
Công ty CP Café SAHA	850.000.000	(*)		850.000.000 (*)
Ngân hàng TMCP Eximbank	2.665.569.500	(*)		2.665.569.500 (*)
Tổng cộng	23.350.574.613	-	695.252.300	23.706.442.113

(1) Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam: Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 400.000.000 đồng, chiếm 13,33% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 655.390.567 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chỉnh thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 658.090.107 đồng. Tại ngày 31/12/2017, khoản đầu tư này được ghi nhận là 638.090.107 đồng.

(2) Công ty CP Đá Mai Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mai trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chỉnh thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng. Tại ngày 31/12/2017, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 đồng.

(3) Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chỉnh thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi -P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

(4) Công ty CP Xi Măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 14.383.360.000 đồng.

(4a): là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí.

(4b): là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu.

Ghi chú:

(*): Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác (ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng) để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý dựa trên việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

03. Phải thu khách hàng

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn	553.604.193.998	51.270.502.881	583.971.957.900	104.086.027
Ban Quản lý Dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	6.751.806.090		20.679.517.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	72.080.368.984		79.401.628.984	
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	30.556.129.340		13.083.021.127	
Công ty CP đầu tư và xây dựng cơ khí Sông Hồng	3.367.886.062	3.367.886.062		
Công ty Cổ phần cơ khí điện lực	3.342.718.153	3.342.718.153		
Công ty TNHH Việt Lào	2.025.898.106		2.030.814.250	
Công ty cổ phần Bột - Giấy VNT19	15.284.700.520		27.264.461.695	
Công ty Cổ phần Thép Hà Nội (*)	27.264.461.695		15.333.787.292	
Công ty CP TM&SX Thiên Hoàng Long	16.464.177.393		10.919.979.274	
Công ty TNHH TN và XD Thái Phát	9.101.672.189		5.215.045.000	
Công ty TNHH DV và Thương Mại ĐL Việt Nam	15.173.175.583		10.826.251.976	
Công ty CP Đầu tư và PTCN Hưng Thịnh	10.826.251.976		3.858.719.384	
Công ty Capital Company Limited	16.701.153.981		28.315.360.500	
Công ty TNHH ĐT Công nghệ và TM Việt Nam	28.315.360.500		66.996.107.197	
Công ty TNHH 289	66.096.107.196	15.124.777.157	49.536.854.941	
Công ty Cổ phần Nam Vang	49.086.854.941	29.392.227.062	40.152.705.417	
Công ty Cổ phần Thương mại Đức Phát	-		19.278.761.282	
Công ty Cổ phần DV&KTTH-HDC	14.019.748.533		3.230.706.858	
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh (**)	3.230.706.858		267.249.864.707	104.086.027
Đối tượng khác	163.915.015.898	42.894.447		
b) Phải thu dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	553.604.193.998	51.270.502.881	583.971.957.900	104.086.027

(*): Là khoản phải thu của Xí nghiệp KD XNK - Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung Tổng hợp do Ông Nguyễn Duy Xuyên làm đại diện. Các giao dịch liên quan đến khoản công nợ này đang được điều tra vì Ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị tạm giam để điều tra về tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản và là già con dấu, tài liệu của Cơ

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi -P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

quan, tổ chức theo cáo trạng số 419/CT-VKS-P3 ngày 21/12/2015 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Khoản công nợ này được xác định khó có khả năng thu hồi.

(**): Là công nợ phải thu Công ty TNHH SX và TM Thế Anh của Xi nghiệp KD XNK - Công ty TNHH Cơ khí Quang Trung, theo biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2013 xác nhận và giấy mượn tiền của Ông Nguyễn Duy Xuyên đã vay Công ty Thế Anh số tiền bằng tiền mặt là 3.250.000.000 đồng, trong đó có ghi nội dung khi Ông Xuyên trả lại số tiền mượn này thì Công ty TNHH SX và TM Thế Anh mới chuyển trả khoản công nợ phải thu vào tài khoản của Xi nghiệp KD XNK. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/21/2014, Công ty TNHH SX và TM Thế Anh có đề nghị bù trừ công nợ. Tuy nhiên, do ông Xuyên đang bị tạm giam điều tra nên việc bù trừ này chưa được thực hiện.

04. Phải thu nội bộ

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu nội bộ ngắn hạn				
Công ty CP kinh doanh thiết bị Công nghiệp	637.500.000		637.500.000	
Công ty CP cơ điện và XD Quảng Nam	142.918.838		-	
Đối tượng khác	-		25.761.783	
Tổng cộng	780.418.838		663.261.783	

05. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long	2.350.000.000		2.000.000.000	
Nguyễn Quyết Chiến	450.000.000		500.000.000	
Tổng cộng	2.800.000.000		2.500.000.000	

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

06. Phải thu khác

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	103.217.992.334		98.987.436.539	
Chi phí cổ phần hóa	4.271.195.383		4.914.223.945	
Phải thu về BHXH, BHYT, KPCĐ	336.257.476		228.631.119	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Đầu tư Thăng Long	7.961.657.222		7.767.500.000	
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	647.211.657		1.118.889.001	
Ký quỹ, ký cược	962.826.303		-	
Phải thu khác (*)	73.658.450.596		69.239.141.394	
Tạm ứng	15.380.393.697		15.719.051.080	
b) Phải thu dài hạn khác	2.711.582.495		239.136.233	
Ký cược, ký quỹ	146.500.000		239.136.233	
Khác	2.565.082.495		-	
Tổng cộng	105.929.574.829	-	99.226.572.772	-

(*): Trong đó:

- Nợ phải thu khác (đối tượng theo dõi là ông Nguyễn Duy Xuyên) của Xí nghiệp KD XNK Tổng hợp trực thuộc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 48.134.425.710 đồng khó có khả năng thu hồi.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN/HN
Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

07. Hàng tồn kho

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.350.659.450		23.946.160.211	
Công cụ, dụng cụ	5.219.309.345		4.364.510.106	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	218.940.637.827		142.780.531.357	
Thành phẩm	35.837.601.335		37.753.100.574	
Hàng hóa	36.062.529.645		40.425.211.481	
Hàng gửi đi bán	1.515.369.569		7.080.877.237	
Tổng cộng	317.926.107.171		256.350.390.966	

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
<i>Tại ngày 20/01/2017</i>	588.697.918.931	252.140.997.726	24.702.015.238	1.573.026.803	867.113.958.698
<i>Tăng trong kỳ</i>	10.693.311.900	17.834.402.798	8.930.116.354	38.817.273	37.496.642.325
- Mua trong kỳ	251.038.233	10.380.997.490	380.000.000	38.817.273	11.050.852.996
- XDCB hoàn thành	10.442.273.667	7.453.405.308	8.550.116.354	-	26.445.789.329
<i>Giảm trong kỳ</i>	4.592.894.245	950.672.678	590.09.901	-	6.133.658.824
- Thanh lý, nhượng bán	-	136.152.342	-	-	136.152.342
- Giảm khác	4.592.894.245	814.520.336	590.09.901	-	5.997.506.482
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	594.798.336.586	269.024.727.846	33.042.03.691	1.611.844.076	898.476.942.199
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Tại ngày 20/01/2017</i>	76.231.027.452	147.386.608.256	13.918.26.907	965.272.188	238.501.177.803
<i>Tăng trong kỳ</i>	17.383.954.471	13.251.194.351	2.183.67.262	140.265.147	32.959.087.231
- Khấu hao trong kỳ	17.383.954.471	13.251.194.351	2.183.67.262	140.265.147	32.959.087.231
<i>Giảm trong kỳ</i>	5.219.801.437	713.620.360	543.42.154	-	6.476.846.951
- Giảm khác	5.219.801.437	713.620.360	543.42.154	-	6.476.846.951
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	88.395.180.486	159.924.182.247	15.558.51.015	1.105.537.335	264.983.418.083
Giá trị còn lại					
<i>Tại ngày 20/01/2017</i>	512.466.891.479	104.754.389.470	10.783.74.331	607.754.615	628.612.780.895
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	506.403.156.100	109.100.545.599	17.483.51.676	506.306.741	633.493.524.116

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

09.Tăng giảm tài sản vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 20/01/2017	40.055.221.480	-	-	639.891.526	40.695.113.006
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	2.835.000.000	-	-	-	2.835.000.000
- Giảm khác	2.835.000.000	-	-	-	2.835.000.000
Tại ngày 31/12/2017	37.220.221.480	-	-	639.891.526	37.860.113.006
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 20/01/2017	931.186.996	-	-	545.106.581	1.476.293.577
Tăng trong kỳ	785.671.310	-	-	18.333.337	804.004.647
- Khấu hao trong kỳ	785.671.310	-	-	18.333.337	804.004.647
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	1.716.858.306	-	-	563.439.918	2.280.298.224
Giá trị còn lại					
Tại ngày 20/01/2017	39.124.034.484	-	-	94.784.945	39.218.819.429
Tại ngày 31/12/2017	35.503.363.174	-	-	76.451.608	35.579.814.782

10.Tăng giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa	Cộng
Nguyên giá		
Dư đầu năm	9.624.246.073	9.624.246.073
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Dư cuối năm	9.624.246.073	9.624.246.073
Giá trị hao mòn lũy kế		
Dư đầu năm	1.980.997.228	1.980.997.228
Tăng trong năm	344.493.466	344.493.466
- Khấu hao trong năm	344.493.466	344.493.466
Dư cuối năm	2.325.490.694	2.325.490.694
Giá trị còn lại		
Đầu năm	7.643.248.845	7.643.248.845
Cuối năm	7.298.755.379	7.298.755.379

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

11. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			68.790.000	68.790.000
Khác			68.790.000	68.790.000
b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XD/CB)	59.448.020.578	59.448.020.578	56.335.170.012	56.335.170.012
DA di dời và xây dựng nhà máy mới tại KCN Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	3.981.330.993	3.981.330.993	22.145.621.036	22.145.621.036
Chi phí của dự án "Di chuyển cải tạo và nâng cấp năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	4.917.888.576	4.917.888.576	4.849.465.849	4.849.465.849
Xây dựng nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	49.571.415.082	49.571.415.082	29.066.682.472	29.066.682.472
DA nhà máy quy chế từ sơn	865.442.727	865.442.727	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-
Khác	111.943.200	111.943.200	273.400.655	273.400.655
Tổng cộng	59.448.020.578	59.448.020.578	56.403.960.012	56.403.960.012

12. Chi phí trả trước

	31/12/2017	20/01/2017
a) Ngắn hạn	340.338.251	128.595.347
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	301.339.084	128.595.347
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).	38.999.167	-
b) Dài hạn	58.414.881.875	56.975.132.781
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng của Nhà máy Quy chế Từ Sơn	29.503.479.306	30.146.182.722
- Chi phí công cụ, dụng cụ	3.906.910.125	4.621.586.972
- Phí bảo lãnh ngân hàng	145.500.696	226.375.297
- Trợ cấp mất việc làm	2.484.265.000	2.777.367.000
- Chi phí xây dựng hạ tầng	6.880.000.000	6.880.000.000
- Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	10.140.079.467	10.257.937.835
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	13.766.347	84.440.552
- Chi phí di chuyển địa điểm	103.008.485	206.126.250
- Chi phí khấu hao TSCĐ chưa phân bổ (*)	2.625.763.128	
- Khác	2.612.109.321	1.775.116.153
Cộng	58.755.220.126	57.103.728.128

(*): Là khấu hao năm 2016, năm 2017 của dây chuyền CNC của Công ty CP Dụng cụ số 1.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

13. Phải trả người bán

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	158.495.761.517	147.091.900.926	195.536.246.073	184.132.385.482
Công ty CP kết cấu thép & thiết bị nâng Việt Nam	7.912.372.985	7.912.372.985	10.965.438.000	10.965.438.000
Công ty CP thang máy và đầu tư HTC	7.340.000.000	7.340.000.000	5.111.260.000	5.111.260.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long	9.915.618.119	9.915.618.119	7.340.000.000	7.340.000.000
Guilin gGuiye Industrial Co., Ltd			9.937.425.064	9.937.425.064
Linyi Huihang machinery Co.,Ltd			1.933.952.066	1.933.952.066
Wuhan Lidi Hydraulic Equipment Co.,Ltd			655.615.590	655.615.590
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	7.514.505.346	7.514.505.346		
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc	11.403.860.591		11.403.860.591	
Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp (*)	7.677.069.050	7.677.069.050		
Công ty TNHH Quốc Tế Nguyễn Phương	3.690.491.946	3.690.491.946	4.138.314.694	4.138.314.694
NM Quy chế Từ Sơn	3.009.365.065	3.009.365.065	2.816.402.355	2.816.402.355
Công ty CP kết cấu Xây dựng			42.002.466.446	42.002.466.446
Công ty CP Đầu tư Thương mại & Dịch vụ An Huy			3.950.000.000	3.950.000.000
Công ty CPTM và vận tải Vĩnh Hải	5.028.231.413	5.028.231.413	5.028.231.413	5.028.231.413
Alfa Universal Co.,Ltd	8.975.203.559	8.975.203.559	8.975.203.559	8.975.203.559
Công ty TNHH Phán phối thiết bị công nghệ Hà Nội	16.227.499.000	16.227.499.000		
Công ty TNHH dịch vụ thương mại Nam Hà Nội	69.801.544.443	69.801.544.443	81.278.076.295	81.278.076.295
Đối tượng khác				
Tổng cộng	158.495.761.517	147.091.900.926	195.536.246.073	184.132.385.482

(*): Khoản phải trả của Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp trực thuộc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung. Giám đốc xí nghiệp là ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị giam giữ để điều tra vì có những dấu hiệu có ý làm sai quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế và gây ra hậu quả nghiêm trọng. Khoản công nợ này đã tồn tại từ rất lâu nên Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung không xác định được tính chắc chắn của khả năng trả nợ.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải thu

	<u>20/01/2017</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>31/12/2017</u>
Thuế giá trị gia tăng	23.997.634	21.297.506	1.041.497	3.741.625
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	439.925	-	-	439.925
Thuế TNDN	82.859.701.986	1.041.497	479.308.298	83.337.968.787
Thuế thu nhập cá nhân	14.279.534	12.742.797	66.982.910	68.519.647
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	22.221.462	20.909.382	339.516.008	340.828.088
Các loại thuế khác	1.000.000	1.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.416.121	-	-	93.416.121
Tổng cộng	<u>83.015.056.662</u>	<u>56.991.182</u>	<u>886.848.713</u>	<u>83.844.914.193</u>

b) Phải trả

	<u>20/01/2017</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>31/12/2017</u>
Thuế giá trị gia tăng	17.260.880.916	22.773.436.444	21.369.304.201	18.665.013.159
+ Thuế VAT đầu ra	16.379.893.900	15.913.855.641	14.509.723.398	17.784.026.143
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	880.987.016	6.859.580.803	6.859.580.803	880.987.016
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	-	-	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.215.681.961	4.028.915.474	4.035.291.331	2.209.306.104
Thuế TNDN	2.434.008.805	1.082.633.858	1.750.429.732	1.766.212.931
Thuế TNCN	625.682.728	447.762.822	702.201.132	371.244.418
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	143.931.607	3.510.833.763	3.654.765.370	-
Các loại thuế khác	394.326.753	118.246.881	439.761.185	72.812.449
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.608.013.006	3.064.743.695	113.749.979	8.559.006.722
Giảm khác do thoái vốn				(172.389.549)
Tổng cộng	<u>31.366.907.203</u>	<u>35.026.572.937</u>	<u>32.065.502.930</u>	<u>34.155.587.661</u>

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy

– Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017**15. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2017</u>	<u>20/01/2017</u>
a) Ngắn hạn	53.475.465.741	52.874.811.958
Lãi vay phải trả	4.249.735.825	4.063.513.728
Trích trước phí bảo lãnh tạm ứng và thực hiện hợp đồng	-	1.622.108.835
Phí thuê văn phòng, nhà xưởng	4.337.157.008	4.337.157.008
Chi phí có liên quan đến các Dự án di dời	29.655.695.476	29.840.594.085
Chi phí giải phóng mặt bằng	12.919.960.233	12.919.960.233
Khác	2.312.917.199	91.478.069
b) Dài hạn	-	-
Cộng	53.475.465.741	52.874.811.958

16. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/12/2017</u>	<u>20/01/2017</u>
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.356.874.722	1.880.989.903
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	2.356.874.722	1.880.989.903
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	-	-
Tổng cộng	2.356.874.722	1.880.989.903

17. Phải trả khác

	<u>31/12/2017</u>	<u>20/01/2017</u>
a) Phải trả ngắn hạn	56.970.495.893	56.085.151.466
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.253.202.540	4.219.988.040
Kinh phí công đoàn	705.150.620	659.783.188
Bảo hiểm xã hội	1.484.097.126	1.872.620.112
Bảo hiểm y tế	86.692.559	73.081.064
Bảo hiểm thất nghiệp	336.530.914	32.781.207
Nhận ký quỹ, ký cược	11.000.000	2.259.649.321
Chi phí tháo dỡ, vận chuyển và bù đắp thiệt hại khi tháo dỡ	-	-
Phải trả phải nộp khác	37.188.822.134	34.062.248.534
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)	129.673.085.401	127.680.100.000
+ Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội (*)	118.000.000.000	118.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào (**)	9.531.600.000	9.531.600.000
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.141.485.401	148.500.000
Cộng	186.643.581.294	183.765.251.466

(*): Khoản tiền thu từ Công ty TNHH Nhà nước MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ứng trước cho Công ty để thực hiện dự án “Di chuyển, cải tạo và nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1: theo Hợp

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy

– Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

đồng hợp tác đầu tư số 99/HĐHTĐT-TJC ngày 3/4/2009 về việc “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.

(**): Khoản thu từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào trả do giảm phần diện tích sàn xây dựng nhận được của Dự án “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội”.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

18. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	222.337.126.884	169.316.318.114	176.155.484.398	125.226.950.460
- Vay ngắn hạn (VND)	216.244.852.052	165.316.318.114	172.155.484.398	121.226.950.460
- Vay ngắn hạn ngân hàng	213.764.257.883	164.511.448.587	169.471.123.229	120.218.313.933
- Vay các tổ chức	1.597.904.605	-	1.597.904.605	-
- Vay cá nhân	882.689.564	804.869.527	1.086.456.564	1.008.636.527
- Vay ngắn hạn (USD)	2.092.274.832	2.092.274.832	4.000.000.000	4.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
b) Vay dài hạn	2.101.244.999	2.101.244.999	2.143.366.500	2.143.366.500
- Vay dài hạn ngân hàng	1.757.878.499	1.757.878.499	1.800.000.000	1.800.000.000
- Vay các đối tượng khác	343.366.500	343.366.500	343.366.500	343.366.500
Tổng cộng	224.438.371.883	171.417.563.113	178.298.850.898	127.370.316.960

Các khoản vay không đánh giá được khả năng trả nợ thuộc về Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung như sau:

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Văn phòng Công ty	24.262.809.296	-	24.262.809.296	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Đông Hà Nội (*)	24.262.809.296	-	24.262.809.296	-
Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp	26.665.724.642	-	26.665.724.642	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Hà Nội (**)	24.990.000.000	-	24.990.000.000	-
Công đoàn Công ty	266.725.076	-	266.725.076	-
Bà Trần Thị Thuộc	77.820.037	-	77.820.037	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsui Vina	1.331.179.529	-	1.331.179.529	-
Tổng cộng	50.928.533.938	-	50.928.533.938	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

(*): Vay của Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 160-11/2011/HĐTD ngày 30/06/2011, hạn mức vay là 50.000.000.000 đồng, lãi suất thả nổi (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 21%/năm). Công ty đã đứng tên để vay vốn lưu động cho Xí nghiệp để kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay là cho vay không có tài sản đảm bảo thực hiện biện pháp bổ sung tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý và nhà cửa vật kiến trúc.

(**): Vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông Thôn – Chi Nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201000188 ngày 31/05/2011 và Phụ lục số 01 ngày 08/09/2011 với hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, hạn mức tín dụng đến hết ngày 31/05/2012, tài sản thế chấp là hàng tồn kho theo Hợp đồng số 10/HĐTC/NHN-XNKTH ngày 22/04/2012. Khoản vay này theo giấy ủy quyền số 03/UQ ngày 02/03/2010 của Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung, giấy ủy quyền này có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký. Lãi suất điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng theo số dư, lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 19%/năm.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung không đánh giá được khả năng trả nợ của các khoản nợ trên do các khoản vay này đều liên quan đến vụ án xét xử ông Nguyễn Duy Xuyên.

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư ngày 20/01/2017	1.418.634.488.001	233.046.766	(3.116.057.520)	1.522.107.908	(13.037.825.894)	7.234.680.246	1.411.470.439.507
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	3.067.883.766	-	3.067.883.766
- Tăng khác	-	-	1.913.677.557	-	1.776.027.485	-	3.689.705.042
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Tạm phân phối lợi nhuận	-	-	-	903.806.594	(3.837.548.285)	-	(2.933.741.691)
- Giảm khác	-	(233.046.766)	-	(1.776.122.019)	(415.982.758)	(1.197.170.583)	(3.622.322.126)
Số dư ngày 31/12/2017	1.418.634.488.001	-	(1.202.379.963)	649.792.483	(12.447.445.686)	6.037.509.663	1.411.671.964.498

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	20/01/2017
Vốn góp của các cổ đông	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cộng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

c) Các giao dịch về vốn

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.398.705.157.520
Vốn góp tăng trong kỳ		19.929.330.481
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy

– Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017**d) Cổ tức****Từ ngày 20/01/2017
đến ngày 31/12/2017**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
 Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
 Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
 Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

đ) Cổ phiếu**Từ ngày 20/01/2017
đến ngày 31/12/2017**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
 Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
 Số lượng cổ phiếu được mua lại
 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

141.991.500
 141.991.500
 141.991.500
 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**(Đơn vị tính: VND)**

- Ngày bắt đầu kỳ báo cáo được thuyết minh tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Phần II, Đoạn 1, về "Niên độ kế toán" (Trang 13)
 - Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017, Tổng Công ty vẫn hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Nhà nước một thành viên; Kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ	768.599.117.552	22.568.419.652
Doanh thu bán thành phẩm	227.004.984.830	14.572.394.708
Doanh thu công trình	172.719.985.639	16.985.555.612
Doanh thu khác	566.316.863	
Tổng cộng	1.168.890.404.884	54.126.369.972

02. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	798.262.213.213	19.868.593.553
Giá vốn của thành phẩm đã bán	217.471.623.381	12.345.832.620
Giá vốn công trình	83.103.708.915	13.505.452.824
Khác	7.084.274.960	
Tổng cộng	1.105.921.820.469	45.719.878.997

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	19.310.087.285	578.917.064
Cổ tức, lợi nhuận được chia	72.972.346.015	
Lãi chênh lệch tỷ giá	509.969.971	674.500.000
Lãi chuyển nhượng vốn	1.402.025.951	
Doanh thu hoạt động tài chính khác		5.193.640.000
Tổng cộng	94.194.429.222	6.447.057.064

04. Chi phí tài chính

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi tiền vay	10.763.989.199	65.893.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.347.876.991	
Đánh giá lại khoản đầu tư tài chính		7.609.058.566
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	695.252.300	
Chi phí khác	15.507	824.718.222
Tổng cộng	12.807.133.997	8.499.670.463

05. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chi phí nhân viên bán hàng	27.178.118	46.675.648
Chi phí vật liệu bao bì	783.269.877	94.519.339
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	181.131	
Chi khí khấu hao TSCĐ	13.776.494	810.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.643.593	
Chi phí bằng tiền khác	2.818.288.887	4.808.928
Tổng cộng	4.042.338.100	146.814.297

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chi phí nhân viên quản lý	30.726.851.420	2.393.317.361
Chi phí vật liệu, mua đồ dùng văn phòng	1.233.898.991	62.933.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.664.951.060	613.476.361
Thuế, phí, lệ phí	2.313.096.823	59.658.106
Dự phòng phải thu khó đòi	50.990.663.430	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.702.017.323	3.318.428.119
Chi phí bằng tiền khác	39.300.666.968	1.813.442.111
Tổng cộng	132.932.146.015	8.261.255.114

07. Thu nhập khác

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chuyển tiền cọc đấu giá của nhà đầu tư từ chối mua CP CTCP CK Cừ Long	518.567.400	
Lãi trả chậm	55.722.375	
Thuê máy móc và điện nước kèm theo	1.542.646.495	19.418.519
Thu tiền phạt tiến độ hợp đồng	18.000.000	
Thu tiền phạt không thực hiện hợp đồng		
Khác	2.153.925.544	635.154.002
Tổng cộng	4.288.861.814	654.572.521

08. Chi phí khác

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Phạt chậm nộp thuế	3.714.959.676	
Chi phí điện, nước, khấu hao máy cho thuê	1.542.646.495	19.418.519
Các khoản khác	2.275.448.991	1.321.162.772
Tổng cộng	7.533.055.162	1.340.581.291

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017</u>	<u>Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017</u>
Công ty Mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	718.129.744	65.075.094
Công ty CP Cơ khí Cửu Long		
Công ty CP Dụng cụ số 1	7.298.739	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	159.057.461	2.746.971
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội		
Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	19.710.539	
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	178.437.375	
Cộng	<u>1.082.633.858</u>	<u>67.822.065</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 2.009.257.147 VND và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 141.991.500 cổ phiếu, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

Lợi nhuận thuần trong năm – thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.120.729.867
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.009.257.147
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	

Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi

1.111.472.720

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

141.991.500

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

8

S.Đ.N
C.C
T
KIẾ
CPA
HỒ H

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Thông tin về các bên liên quan****a) Bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia	Công ty liên doanh	2,149%
Công ty CP Công đoàn Giấy	Công ty liên doanh	

Bên liên quan	Giao dịch	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thù lao	1.815.395.628	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia	Nhận cổ tức	75.498.688.333	

02. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, không có sự kiện nào ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục.

03. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được soát xét, có điều chỉnh theo Công văn số 1095/CV-MIE-TCKT ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc điều chỉnh số liệu liên quan tới Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Công văn số 243/CV-MIE-TCKT ngày 19/03/2018 của Công ty mẹ về việc điều chỉnh số liệu sau khi Báo cáo kiểm toán đã phát hành. Thêm vào đó, các công ty con cùng đang trong quá trình quyết toán công tác cổ phần hóa với Công ty mẹ, bao gồm: Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội, Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung, Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật đã có những điều chỉnh số liệu theo Biên bản thanh tra của Cơ quan thuế. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh thay đổi như sau:

0107
 NG T
 HH
 TO
 IETN
 NỘ

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
1. Tiền	111	47.402.759.328	47.358.884.358	43.874.970
2. Các khoản tương đương tiền	112	49.190.764.771	47.610.874.074	1.579.890.697
3. Chứng khoán kinh doanh	121	1.468.545.629		1.468.545.629
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	266.506.322.322	268.086.213.019	(1.579.890.697)
5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	583.971.957.900	583.945.657.448	26.300.452
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	98.987.436.539	98.386.657.041	600.779.498
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	138	-	65.000.000	(65.000.000)
8. Hàng tồn kho	141	256.350.390.966	255.320.148.072	1.030.242.894
9. Thuế GTGT được khấu trừ	152	25.207.935.552	14.356.804.507	10.851.131.045
10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	83.015.056.662	94.618.647.280	(11.603.590.618)
11. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		494.487.234	(494.487.234)
12. Tài sản cố định hữu hình	221			
- Nguyên giá	222	867.113.958.698	876.710.584.590	(9.596.625.892)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(238.501.177.803)	(240.454.554.850)	1.953.377.047
13. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	241	9.624.246.073		9.624.246.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	(1.980.997.228)		(1.980.997.228)
14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	57.673.141.263	57.688.749.567	(15.608.304)
15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	23.706.442.113	30.748.085.967	(7.041.643.854)
16. Chi phí trả trước dài hạn	261	56.975.132.781	57.512.998.250	(537.865.469)
17. Tài sản dài hạn khác	268	494.487.234	-	494.487.234
Cộng thay đổi tài sản				(5.242.833.757)
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	97.011.239.288	97.319.239.288	(308.000.000)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	31.366.907.203	32.295.998.593	(929.091.390)
4. Phải trả người lao động	314	197.588.726.636	197.699.458.816	(110.732.180)
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	56.085.151.466	56.642.753.199	(557.601.733)
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	8.495.484.631	8.782.460.078	(286.975.447)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1.418.634.488.001	1.419.915.000.000	(1.280.511.999)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(3.116.057.520)	(4.602.865.297)	1.486.807.777
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421	(13.037.825.894)	(9.781.097.109)	(3.256.728.785)
Cộng thay đổi nguồn vốn	440			(5.242.833.757)

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy

– Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	54.126.369.972	53.151.332.454	975.037.518
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	54.126.369.972	53.151.332.454	975.037.518
3. Giá vốn hàng bán	11	45.719.878.997	46.212.256.423	(492.377.426)
4. Chi phí tài chính	22	8.499.670.463	4.003.741.052	4.495.929.411
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.261.255.114	8.118.412.364	142.842.750
6. Chi phí khác	32	1.340.581.291	36.186.814	1.304.394.477
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(2.808.022.670)	908.450.077	(3.716.472.747)
8. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62	(2.766.692.861)	949.779.886	(3.716.472.747)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Hữu Hiện

Trần Thị Thu Trang

Nguyễn Khắc Hải